

Số: 49/TB-HVPNVN

Hà Nội, ngày 11 tháng 06 năm 2021

THÔNG BÁO TUYỂN SINH ĐÀO TẠO THẠC SĨ NĂM 2021

Căn cứ Thông tư số 15/2014/TT-BGDĐT ngày 15/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ.

Học viện Phụ nữ Việt Nam thông báo tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ năm 2021 như sau:

1. Các ngành đào tạo:

Ngành Quản trị kinh doanh Mã số: 8340101

Ngành Công tác xã hội Mã số: 8760101

2. Hình thức và thời gian đào tạo:

Lớp học tập trung trong giờ hành chính: 1,5 năm (bao gồm cả thời gian học các học phần và thời gian viết, bảo vệ luận văn thạc sĩ)

Lớp học không tập trung ngoài giờ hành chính: 2,0 năm (bao gồm cả thời gian học các học phần và thời gian viết, bảo vệ luận văn thạc sĩ)

3. Các môn thi tuyển:

Thi tuyển 3 môn, cụ thể như sau:

3.1. Môn Ngoại ngữ: Tiếng Anh trình độ B (tương đương trình độ A2 khung Châu Âu chung) áp dụng chung cho tất cả các ngành.

3.2. Hai môn thi khác đối với từng ngành

a) Ngành Quản trị kinh doanh:

- Môn 1: Quản trị học;

- Môn 2: Kinh tế học.

b) Ngành Công tác xã hội:

- Môn 1: An sinh xã hội;

- Môn 2: Công tác xã hội.

3.3. Điều kiện miễn thi môn Tiếng Anh

Thí sinh được miễn thi ngoại ngữ nếu thỏa mãn một trong các điều kiện sau đây:

a) Có bằng tốt nghiệp đại học, thạc sĩ, tiến sĩ được đào tạo toàn thời gian ở nước ngoài, được cơ quan có thẩm quyền công nhận văn bằng theo qui định hiện hành; ngôn ngữ sử dụng trong toàn thời gian đào tạo là tiếng Anh.

b) Có bằng tốt nghiệp đại học chương trình tiên tiến theo đề án của Bộ Giáo dục và Đào tạo về đào tạo chương trình tiên tiến ở một số trường đại học của Việt Nam; bằng kỹ sư chất lượng cao (PFIEV) được Ủy ban bằng cấp kỹ sư (CTI, Pháp) công nhận; có đối tác nước ngoài cùng cấp bằng; ngôn ngữ sử dụng trong toàn thời gian đào tạo là tiếng Anh. Lưu ý: Các bằng và bằng điểm đại học và thạc sĩ do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp phải được công chứng tiếng Việt và nộp kèm theo văn bản công nhận của Cục Quản lý chất lượng, Bộ Giáo dục và Đào tạo.

c) Có bằng tốt nghiệp đại học ngoại ngữ ngành: Tiếng Anh

d) Có chứng chỉ trình độ ngoại ngữ (một trong các ngôn ngữ: Anh, Pháp, Nga, Trung Quốc, Đức, Nhật) tối thiểu từ bậc 3/6 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương trong thời hạn 02 (hai) năm từ ngày cấp chứng chỉ đến ngày đăng ký dự thi (tham khảo Phụ lục I), được cấp bởi một Trung tâm khảo thí quốc tế có thẩm quyền hoặc một trong các Trung tâm ngoại ngữ được Bộ GD&ĐT cho phép và công nhận.

4. Điều kiện dự thi:

4.1. Ngành Quản trị kinh doanh

Đối với thí sinh tốt nghiệp đại học ngành gần với ngành đào tạo phải học bổ túc (bổ sung) kiến thức 4 môn (12 tín chỉ), thí sinh tốt nghiệp đại học ngành khác với ngành Quản trị kinh doanh phải học bổ túc 7 môn học (21 tín chỉ) (Phụ lục II, III kèm theo).

4.2. Ngành Công tác xã hội

Đối với thí sinh tốt nghiệp đại học ngành gần với ngành đào tạo phải học bổ túc (bổ sung) kiến thức 4 môn (11 tín chỉ), thí sinh tốt nghiệp đại học ngành khác với ngành Công tác xã hội phải học bổ túc 7 môn học (19 tín chỉ) (Phụ lục IV, V kèm theo).

5. Học phí và kinh phí đào tạo.

Sau khi trúng tuyển, học viên thực hiện nghĩa vụ đóng học phí theo quy định của Học viện Phụ nữ Việt Nam. Mức học phí được áp dụng theo quy định đối với trường công lập, có điều chỉnh theo năm học, có chính sách ưu đãi cho cựu sinh viên Học viện Phụ nữ Việt Nam. Mức học phí từng năm học sẽ được thông báo chính thức trước khi bắt đầu học kỳ đầu tiên ít nhất 1 tháng. Chi tiết xem tại website: hvpnv.vn.

6. Đối tượng và chính sách ưu tiên: Thí sinh thuộc các đối tượng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo



7. Thời gian đăng ký học và thi.

STT	CÁC HOẠT ĐỘNG	THỜI GIAN
1	Nộp hồ sơ học Thạc sĩ	Nộp hồ sơ trước 05/9/2021
2	Học bổ túc/ bổ sung kiến thức	
	Ngành gần	11 - 24/9/2021 (đăng ký học trước ngày 11/9/2021)
	Ngành khác	11/9 - 3/10/2021 (đăng ký học trước ngày 11/9/2021)
3	Ôn tập/ hệ thống kiến thức thi đầu vào	4 - 7/10/2021 (đăng ký học trước ngày 4/10/2021)
4	Thời gian thi đầu vào cao học	9, 10/10/2021

Ghi chú:

Lịch học bổ túc (bổ sung kiến thức), lịch ôn tập/ hệ thống kiến thức 3 môn thi là từ tối thứ Sáu đến ngày Chủ nhật. Thời gian học bổ túc kiến thức cho mỗi môn học là 2 tuần, thời gian ôn tập/ hệ thống kiến thức cho mỗi môn thi từ 3-5 buổi.

Học phí học bổ sung kiến thức: 500.000đ/tín chỉ với điều kiện có từ 8 thí sinh đăng ký trở lên), dưới 8 học viên nhà trường sẽ tính toán trên cơ sở thu đủ bù chi.

Chi phí ôn tập/ hệ thống kiến thức là 600.000đ/môn thi với điều kiện có từ 8 thí sinh trở lên; dưới 5 thí sinh nhà trường không tổ chức ôn tập.

8. Hồ sơ tuyển sinh

- Thí sinh tải các loại mẫu giấy tờ có trong hồ sơ tuyển sinh từ website, hoàn thiện và nộp theo thời gian quy định

- Lệ phí thi: 420.000đ, bao gồm: Lệ phí thụ lý hồ sơ: 60.000đ + Lệ phí thi: 120.000đ/môn

- Địa điểm nhận hồ sơ: Phòng Đào tạo Học viện Phụ nữ Việt Nam (Phòng 312B tòa nhà A2) – Số 68 đường Nguyễn Chí Thanh - Quận Đống Đa - Hà Nội.

- Thời gian khai giảng dự kiến: 14/10/2021

Mọi thông tin chi tiết, xin liên hệ: Phòng Đào tạo Học viện Phụ nữ Việt Nam
ĐT: 02437.751750 - 0912347895; 0826228899; hoặc website Học viện:
www.hvpnv.vn.edu.vn; email: tuyensinh@vwa.edu.vn.

Nơi nhận:

- Hội LHPN Việt Nam cấp TW, tỉnh
- Các cơ quan báo chí, cơ sở giáo dục đại học
- Các cơ quan, đơn vị liên quan
- Website Học viện
- Lưu ĐT, VT



PGS, TS. Trần Quang Tiến

PHỤ LỤC I
(Kèm theo Thông báo số 49/TB-HVPNVN ngày 11/06/2021
của Học viện Phụ nữ Việt Nam)

BẢNG THAM CHIẾU QUY ĐỔI MỘT SỐ CHỨNG CHỈ NGOẠI NGỮ TƯƠNG ĐƯƠNG CẤP ĐỘ 3/6 KHUNG NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ 6 BẬC DÙNG CHO VIỆT NAM ÁP DỤNG TRONG ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

Tiếng Anh

Cấp độ (CEFR)	IELTS	TOEFL	TOEIC	Cambridge Exam	BEC	BULATS	Khung Châu Âu
3/6 (Khung VN)	4.5	450 PBT 133 CBT 45 iBT	450	Preliminary PET	Business Preliminary	40	B1

(Các điểm số trên là điểm tối thiểu cần đạt được)

Một số tiếng khác

Cấp độ (CEFR)	tiếng Nga	tiếng Pháp	tiếng Đức	tiếng Trung	tiếng Nhật
3/6 (Khung VN)	TRKI 1	DELFB1 TCF niveau 3	B1 ZD	HSK cấp độ 3	JLPT N4



PHỤ LỤC II

(Kèm theo Thông báo số 49/TB-HVPNVN ngày 11/06/2021 của Học viện Phụ nữ VN)

Danh mục ngành đúng, ngành phù hợp: Các chuyên ngành của ngành Quản trị kinh doanh.

Danh mục ngành gần: Các chuyên ngành thuộc nhóm ngành Kinh doanh, nhóm ngành Tài chính - Ngân hàng - Bảo hiểm; nhóm ngành Kế toán - Kiểm toán; nhóm ngành Quản trị - Quản lý; nhóm ngành Du lịch; nhóm ngành Khách sạn, nhà hàng (Quản trị khách sạn, Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống); nhóm ngành Kinh tế học (Kinh tế, Kinh tế đầu tư, Kinh tế phát triển, Kinh tế quốc tế).

PHỤ LỤC III

(Kèm theo Thông báo số 49/TB-HVPNVN ngày 11/06/2021 của Học viện Phụ nữ VN)

Danh mục học phần học chuyển đổi

Người tốt nghiệp đại học ngành đúng, ngành phù hợp với ngành Quản trị kinh doanh nếu tốt nghiệp quá 05 năm và người tốt nghiệp đại học ngành gần với ngành Quản trị kinh doanh phải học bổ sung kiến thức 4 môn (12 tín chỉ), bao gồm:

TT	Học phần	Số tín chỉ
1	Kinh tế vi mô	3
2	Kinh tế vĩ mô	3
3	Quản trị học	3
4	Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo	3
	Tổng số	12

Người tốt nghiệp đại học ngành khác với ngành Quản trị kinh doanh phải học bổ sung kiến thức 7 học phần (21 tín chỉ), bao gồm:

TT	Học phần	Số tín chỉ
1	Kinh tế vi mô	3
2	Kinh tế vĩ mô	3
3	Quản trị học	3
4	Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo	3
5	Quản trị marketing	3
6	Quản trị tài chính doanh nghiệp	3
7	Quản trị nguồn nhân lực	3
	Tổng số	21

Tùy vào các chuyên ngành cụ thể học ở bậc đại học mà học viên có thể được miễn, giảm các học phần chuyển đổi, nếu các học phần ở trên trùng với học phần có trong bảng điểm đại học.



PHỤ LỤC IV

(Kèm theo Thông báo số 49/TB-HVPNVN ngày 11/06/2021
của Học viện Phụ nữ Việt Nam)

- Danh mục các ngành đúng, phù hợp: Công tác xã hội, Công tác thanh thiếu niên.
- Danh mục các ngành gần: Tâm lý học, Xã hội học, Luật, Nhân học, Văn học, Chính trị học....

PHỤ LỤC V

(Kèm theo Thông báo số 49/TB-HVPNVN ngày 11/06/2021
của Học viện Phụ nữ Việt Nam)

Danh mục các môn học bổ sung kiến thức

- Người tốt nghiệp đại học ngành gần với ngành Công tác xã hội phải học bổ sung kiến thức 4 môn (11 tín chỉ), bao gồm:

TT	Học phần	Số tín chỉ
1	An sinh xã hội	2
2	Công tác xã hội cá nhân	3
3	Công tác xã hội nhóm	3
4	Phát triển cộng đồng	3
	Tổng số	11

- Người tốt nghiệp đại học ngành khác với ngành, chuyên ngành Công tác xã hội phải học bổ sung kiến thức 7 môn (19 tín chỉ), bao gồm:

TT	Học phần	Số tín chỉ
1	An sinh xã hội	2
2	Chính sách xã hội	2
3	Hành vi con người và môi trường xã hội	3
4	Nhập môn Công tác xã hội	3
5	Công tác xã hội cá nhân	3
6	Công tác xã hội nhóm	3
7	Phát triển cộng đồng	3
	Tổng số	19

Tùy vào các chuyên ngành cụ thể học ở bậc đại học mà học viên có thể được miễn, giảm các học phần bổ sung, nếu nội dung các học phần có trong bảng điểm đại học trùng ít nhất 2/3 nội dung các học phần bổ sung trong bảng trên.



PHỤ LỤC VI

(Kèm theo Thông báo số 49/TB-HVPNVN ngày 11/06/2021
của Học viện Phụ nữ Việt Nam)

DANH MỤC HỒ SƠ TUYỂN SINH

1. Phiếu đăng ký dự thi (theo mẫu trên website Học viện: www.hvpnv.edu.vn);
2. Công văn cử cán bộ đi dự thi của Thủ trưởng cơ quan (nếu có);
3. Bản sao Bằng tốt nghiệp đại học và Bảng điểm đại học.
5. Bản sao Quyết định tuyển dụng/Bổ nhiệm/Hợp đồng lao động để xác nhận thâm niên công tác (nếu có).
6. Bản sao có chứng thực các giấy tờ chứng minh đối tượng ưu tiên (nếu có).
7. Ảnh (2 ảnh 3x4, 4 ảnh 4x6)
8. Phong bì có dán tem và ghi rõ địa chỉ người nhận.

PHIẾU ĐĂNG KÝ**DỰ TUYỂN SINH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ NĂM 2020**Ảnh
(3 x 4)(Đóng dấu giáp
lại của cơ quan
quản lý hoặc
chính quyền địa
phương)**1. SƠ YẾU LÝ LỊCH**

Họ và tên (viết in hoa): Giới tính:

Ngày sinh: Nơi sinh (tỉnh): Dân tộc:

Điện thoại (DD): (NR):

(CQ): Email:

Địa chỉ liên hệ (nếu nhắn qua người khác đề nghị ghi cụ thể):

.....

.....

.....

Đối tượng dự thi (đánh dấu ✓ vào ô tương ứng)- Cán bộ, công chức nhà nước ☐- Thí sinh tự do ☐- Đối tượng khác (ghi rõ) (DNNN, liên doanh, TNHH, cổ phần, ...) ☐**Đối tượng ưu tiên** (Thương binh, dân tộc, công tác tại hải đảo, miền núi, . .)**2. QUÁ TRÌNH ĐÀO TẠO****2.1. Bằng đại học thứ nhất**

Cơ sở đào tạo: Quốc gia đào tạo:

Chuyên ngành: Xếp loại tốt nghiệp:

Hệ đào tạo: Năm tốt nghiệp:

2.2. Bằng đại học thứ hai (nếu có)

Cơ sở đào tạo: Quốc gia đào tạo:

Chuyên ngành: Xếp loại tốt nghiệp:

Hệ đào tạo: Năm tốt nghiệp:

3. CÔNG VIỆC HIỆN NAY (ghi rõ chuyên môn, chức vụ, cơ quan công tác)

.....

.....

4. ĐĂNG KÝ DỰ THI MÔN NGOẠI NGỮ:Tiếng Anh ☐Miễn thi ☐

5. NGÀNH ĐĂNG KÝ DỰ THI :

6. ĐĂNG KÝ THỜI GIAN HỌC SAU KHI TRÚNG TUYỂN

(Thí sinh lựa chọn thời gian học nào, đánh dấu ✓ vào ô tương ứng, không thay đổi sau khi nhập học)

- **Buổi tối:** (từ thứ 2 đến thứ 6, thời gian học: 1.5 năm, viết và BVLV: 0.5 năm)..... ☐

- **Cuối tuần:** (tối thứ sáu, sáng+chiều: thứ bảy+chủ nhật, thời gian học: 1.5 năm, viết và BVLV: 0.5 năm) ... ☐

Ghi chú: - Thời gian học: Sáng: 8^{h00} - 12^{h00}; Chiều: 13^{h30} - 17^{h40}; Tối: 18^{h00} - 20^{h30}

XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN/CQ ĐỊA PHƯƠNG

.....
.....
.....
.....

Ngày tháng năm 2021
Thủ trưởng đơn vị/CQ địa phương
(Ký tên, đóng dấu)

CAM ĐOAN CỦA THÍ SINH

.....
.....
.....
.....

Ngày tháng ... năm 2021
Thí sinh đăng ký dự thi
(Ký và ghi rõ họ tên)

Tên cơ quan

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

V.v: Cử cán bộ đi dự tuyển sinh
cao học năm 2021

Hà Nội, ngày tháng năm

Kính gửi: HỌC VIỆN PHỤ NỮ VIỆT NAM

Cơ quan:

Đồng ý cử Ông/Bà

Sinh ngày:.....

Hiện nay là cán bộ phụ trách công việc

của cơ quan đến Học viện Phụ nữ Việt Nam làm thủ tục dự tuyển sinh cao học năm
20..... chuyên ngành

.....

thuộc hệ đào tạo thạc sĩ. Đề nghị Quý Nhà trường xem xét và tạo điều kiện cho ông/bà
..... tham gia kỳ tuyển sinh.

Xin trân trọng cảm ơn!

Thủ trưởng cơ quan
(Ký tên, đóng dấu)